TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **509/**2024/DS-ST
-Ngày: 29/11/2024
-V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Sỹ Đăng** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.*

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 429/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Thuý D, sinh năm 1990** (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hoà Thành, xã Hoà Định, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn Khánh D, sinh năm 1992** (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hoà Thành, xã Hoà Định, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Thuý D trình bày:*

Ngày 01/7/2023 dương lịch, chị có cho anh D vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, hạn trả là ngày 01/01/2024. Anh D có ký tên vào Hợp đồng cho vay tiền đưa chị D giữ. Khi thỏa thuận cho vay, hai bên thống nhất lãi suất cho vay 0.3%/tháng. Tuy nhiên đến hạn trả tiền anh D không trả và kéo dài đến nay nên chị D khởi kiện.

Nay chị D yêu cầu anh D trả lại số tiền vốn còn nợ là 30.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0.3%/tháng, tính tròn là 16 tháng, thành tiền 1.440.000 đồng, tổng cộng 31.440.000 đồng và yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc anh D xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, chị không đồng ý.

** Tại bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Anh thừa nhận có vay chị D số tiền mặt 30.000.000 đồng để làm vốn làm ăn như lời chị D trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa. Khi vay, anh có ký tên vào "Hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2023" đưa chị D giữ. Do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên anh chưa trả tiền cho chị D. Nay chị D khởi kiện, anh đồng ý trả số nợ vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi nhưng không khả năng trả một lần, xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội Hòa xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị D cung cấp cho Tòa án bản chính "Hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2023" với nội dung thể hiện anh D vay chị D số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0.3%/tháng, có chữ ký tên, họ tên của anh D là người nhận tiền.

Xét thấy, tại "Hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2023" với nội dung thể hiện anh D vay số tiền 30.000.000 đồng, có chữ ký tên, họ tên của anh D là người nhận tiền và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh D cũng thừa nhận có vay và còn nợ chị D số tiền 30.000.000 đồng, do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên anh chưa trả tiền cho chị D.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định anh D có vay tiền và còn nợ chị D số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay trong 06 tháng trả lại nhưng việc làm ăn bị thất bại nên anh D chưa trả vốn cho chị D và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do đó chị D khởi kiện yêu cầu anh D trả số nợ 30.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc anh D có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị D yêu cầu anh D trả tiền lãi từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0.3%/tháng, chị D tính tròn là 16 tháng, thành tiền 1.440.000 đồng. Anh Duy đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất và thời gian trả lãi theo yêu cầu của chị D.

Xét thấy, anh D đã vi phạm thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó chị D yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ 30.000.000 đồng với mức lãi suất và thời gian chậm trả nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh D có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền lãi của khoản vay nêu trên với số tiền 1.440.000 đồng.

[4] Về thời gian trả nợ:

Chị Diễm yêu cầu anh D trả số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh Duy xin trả dần hàng tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, anh D đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản, nếu trả dần theo phương án của anh D sẽ kéo dài thời gian trả nợ và thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp cho chị D, hơn nữa chị D không đồng ý cho anh D trả dần nên việc chị D yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc anh D có nghĩa vụ trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy D.**

1. Anh Nguyễn Văn Khánh D có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thúy D số tiền vốn vay 30.000.000 đồng và tiền lãi 1.440.000 đồng, tổng cộng 31.440.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Trần Thị Thúy D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn Khánh D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn Khánh D phải chịu án phí với số tiền 1.572.000 đồng.

+ Hoàn lại cho chị Trần Thị Thúy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 784.000 đồng theo biên lai thu số 0007994 ngày 09/10//2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI HÒA XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Phạm Văn Tài